TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T1 H** **TH1NH PHỐ H1 N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: **53**/2020/HS-ST
Ngày: 25-5-2020

NHÂN DA

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị V1 A

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Bình

Ông Lê A Minh-Cán bộ Đoàn thA niên cộng sản H Chí Minh, hiện đang công tác tại Quận Đoàn T1 H.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Ngô Hoàng H1 - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T1 H** tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Như Quỳnh-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T1 H, TH1nh phố H1 N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi V A, sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 30, cụm 4, phường P T, quận T1 H, TH1nh phố H1 N; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim OA (đã chết); Bị cáo là con duy N1 trong gia đình;Vợ, con: Không; DA chỉ bản số 000000343 do công an quận T1 H, lập ngày 01/9/2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 08/8/2019, bị tạm giữ từ ngày 08/8/2019 đến ngày 17/8/2019. Ngày 17/02/2020 công an TP H1 N khởi tố Bùi V A về H1nh vi gây rối trật tự công cộng. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

2. Công Văn T2, sinh ngày 15/12/2002 *(thời điểm phạm tội 16 tuổi 07 tháng 06 ngày)*; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 31, cụm 5, phường P T, quận T1 H, TH1nh phố H1 N; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Công Đình PHn và bà Đặng Thị ThA; Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ N1; Vợ, con: Không; DA chỉ bản số 000000344 do công an quận T1 H, lập ngày 01/9/2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 08/8/2019, bị tạm giữ từ ngày 08/8/2019 đến ngày 11/8/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Công Văn T2*: Bà Đặng Thị ThA, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 31, cụm 5, phường P T, quận T1 H, TP H1 N là mẹ đẻ của bị cáo, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Công Văn T2*: Bà Nguyễn Thị Nga-Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 4, Trung tâm Trợ giúp pháp lý NH1 nước TP H1 N, có mặt tại phiên tòa.

3. Dương Văn Đ, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2003 *(thời điểm phạm tội 16 tuổi 0 tháng 18 ngày);* Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 29, cụm 4, phường T L, quận T1 H, TH1nh phố H1 N; Giới tính: Nam; Quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Dương Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); Bị cáo là con duy N1 trong gia đình; Vợ, con: Không; DA chỉ bản số 000000345 do công an quận T1 H, lập ngày 01/9/2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú ngày 08/8/2019, bị tạm giữ từ ngày 08/8/2019 đến ngày 11/8/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ*: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1977, HKTT: Tổ 29, cụm 4, phường T L, T1 H, TP H1 N là bố đẻ của bị cáo, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ:* Ông Trương Công Đỉnh-Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 4, Trung tâm Trợ giúp pháp lý NH1 nước TP H1 N, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ tự động T3 T4 V; Trụ sở: Số 38/2 Chu V An, phường 1, quận 6, TP H C M do A Nghiêm Văn N1, sinh năm 1991; Trú tại: Số 95 ngõ chùa L Phái, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, H1 N đại diện, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Phạm Đức K3, *sinh ngày 04 tháng 12 năm 2005*; Người đại diện hợp pháp của Phạm Đức K3: Ông Phạm Hoàng L1, sinh năm 1973 (là bố đẻ của K3); Cùng HKTT: Số 32, ngõ 71, CN, phường C Nam, quận Hoàn K5, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 18, ngõ 21, đường nước phần Lan, phường T L, quận T1 H,TP H1 N, xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ và Phạm Đức K3 là bạn bè xã hội của nhau, thường tụ tập, rủ nhau đi chơi game cùng nhau. Các đối tượng đã thực hiện H1nh vi phạm tội cụ thể như sau:

- ***Vụ thứ N1:*** Khoảng 01giờ 00Pt ngày 21/7/2019, Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ, Phạm Đức K3 và L1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển 03 xe máy đi chơi. Sau đó K3 nảy sinh ý định đập kính máy bán nước tự động tại phố đi bộ Trịnh Công Sơn, phường Nhật T3, quận T1 H, H1 N để lấy các chai nước trong máy uống và đã rủ cả nhóm tham gia, cả nhóm đồng ý. Sau đó cùng đi đến phố Trịnh Công Sơn. Tại đây T2, V A, K3 đi đến máy bán nước tự động phía bên trái sân khấu, đối diện số nH1 35 phố Trịnh Công Sơn (sau đây gọi là máy bán nước số 1), K3 nhặt 01 cục bê tông khô dưới đất ném vào C kính máy bán nước số 1, kính chỉ bị rạn, sứt mẻ, không vỡ. Sau đó, cả nhóm tiếp tục đi chơi. Đến khoảng 02giờ 00Pt cùng ngày, cả nhóm đỗ xe cách máy bán nước tự động tại ngã ba (đường rặng nhãn) rẽ vào phía H sen đi về Quảng An (sau đây gọi là máy bán nước số 2) khoảng 5m. K3, T2 đi bộ về phía máy, K3 nhặt 01 viên gạch kích thước khoảng 10x10cm ném vỡ lớp kính bên ngoài máy bán nước số 2 rồi bỏ đi. Khoảng 2 Pt sau, cả nhóm quay lại, T2 nhặt 01 viên gạch dưới đường ném vỡ lớp kính bên trong máy bán nước số 2. Đ, L1 T4 đến máy, lấy các chai nước từ trong máy chia cho cả nhóm cùng sử dụng. Sau đó cả nhóm đi đến quán điện tử OhGame (tại 148 Âu Cơ, phường T L, T1

H) lấy được 01 chiếc thùng sơn rỗng, quay lại máy bán nước số 2, lấy hết số chai nước còn lại trong máy cho vào thùng mang về quán OhGame chia nhau uống hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 169/KL-HDĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản (HĐĐGTS) tố tụng hình sự quận T1 H kết luận: 02 tấm kính của máy bán nước số 1 và số 2 trị giá **26.400.000đồng**.

- ***Vụ thứ hai:*** Khoảng 02giờ 00Pt ngày 23/7/2019, Bùi V A, Dương Văn Đ, Phạm Đức K3, L1 cùng Nguyễn V A (sinh ngày 13/02/2001, HKTT: Tổ 23, cụm 3, phường P T, T1 H, H1 N) rủ nhau đi đập kính máy bán nước tự động ở phố Trịnh Công Sơn để lấy các chai nước bên trong uống. Cả nhóm đi quA phố Trịnh Công Sơn, thấy không có người, V A, L1 đứng chờ gần đó còn Đ, K3, Nguyễn V A đi bộ lại gần máy bán nước số 1. Đến nơi, do thấy có camera gắn trên máy nên Đ, K3, Nguyễn V A không đập máy bán nước nữa. Nguyễn V A đã nhặt 01viên gạch dưới đất ném vào camera làm camera bị vỡ, phát T4g động to Đ, K3, V A bỏ chạy, sau đó cả nhóm đi về quán điện tử OhGame chơi.

Tại kết luận định giá số 168 ngày 09/8/2019 của HĐĐGTS trong tố tụng hình sự quận T1 H kết luận: 01 mắt camera bị thiệt hại trị giá **1.330.000đồng.**

- ***Vụ thứ ba:*** Khoảng 02giờ 00Pt ngày 24/7/2019, Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ, Phạm Đức K3 cùng Lê Thảo A (sinh ngày 10/11/2002, HKTT: Số 4D ngõ 15 phường Thổ Quan, Đống Đa, H1 N) và Nguyễn Đình H4 (sinh năm 2000, HKTT: Số 5, Cầu Gỗ, phường H1ng Bạc, Hoàn K5, H1 N) rủ nhau đi dạo phố. Khi đến phố đi bộ Trịnh Công Sơn, cả nhóm rủ nhau đập kính máy bán nước tự động để lấy nước uống, Bùi V A, Đ, T2, K3 đồng ý tham gia, còn H4 và Thảo A không đồng ý nên đỗ xe gần Công an phường Nhật T3. Cả nhóm đi lòng vòng một lúc, sau đó V A, Đ, T2, K3 đỗ xe cách máy bán nước số 2 khoảng 5m (lúc này máy đã được A N1 thay C kính mới ngày 22/7/2019). K3, T2 đi bộ lại gần máy bán nước số 2. K3 nhặt 01 viên gạch ném vào C kính máy bán nước làm kính bị vỡ một phần. Thấy vậy, T2 nhặt 01 viên gạch khác ném tiếp vào C kính máy làm mặt kính vỡ, cả nhóm lấy toàn bộ số chai nước có bên trong máy cho vào 01 áo mưa (nhặt ở ven đường) rồi mang về quán OhGame sử dụng hết. Khoảng 15 Pt sau, Bùi V A, T2, Đ, K3 tiếp tục quay lại phố Trịnh Công Sơn, đến cách máy bán nước gần H, đối diện số nH1 71 Trịnh Công Sơn (sau đây gọi là máy bán nước số 3) khoảng 10m. K3, Bùi V A đi lại gần máy bán nước số 3, K3 nhặt 01 viên gạch dưới đất ném vào C kính, làm C kính bị vỡ một phần, Bùi V A tiếp tục nhặt lại viên gạch này, ném tiếp 01 nhát nữa vào C kính làm C kính vỡ. Sau đó Đ, K3 lấy toàn bộ chai nước bên trong cho vào bao tải dứa (nhặt ở ven đường), viên gạch K3 ném xuống H, cả nhóm chia nhau sử dụng hết các chai nước đó.

Theo kết luận định giá tài sản số 167/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của HĐĐGTS tố tụng hình sự quận T1 H kết luận: 02 tấm kính của máy bán nước số 2 và số 3 trị giá **26.400.000đồng.**

Ngày 24/7/2019, A Nghiêm Văn N1 đến Công an phường Nhật T3, quận T1 H trình báo sự việc.

Ngày 08/8/2019 Bùi V A, Nguyễn V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ và Phạm Đức K3 đến Công an quận T1 H đầu thú và khai nhận H1nh vi phạm tội như trên.

Vật chứng T2 giữ gồm:

- *T2 giữ qua khám nghiệm hiện trường*: 02 nửa viên gạch đã qua sử dụng;
- *A N1 giao nộp:* 01USB có dữ liệu hình ảnh tại máy bán nước tự động;

- *T2 giữ của Dương Văn Đ*: 01 xe máy Honda Wave màu xA đen, không có đèn pha, toàn bộ phần nhựa tại vị trí đầu và yếm xe, đèn hậu và đuôi xe bị vỡ, chắn bùn sau bị gãy, xe không gắn BKS, số khung 186653, số máy 1044340.

-*T2 giữ của Công Văn T2:* 01 xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 30L3-6823, số khung 681051, số máy 0315993; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S đã qua sử dụng, có nhiều vết xước trên vỏ máy, không có số IMEI;

- *T2 giữ của Nguyễn V A*: 01 xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 29N3-6949, số khung: 019915, số máy 0019932; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, số IMEI: 359141072168783, số sim: 0589680592, đã qua sử dụng;

- *T2 giữ của Phạm Đức K3*: 01 xe máy Honda Wave màu đen, không gắn BKS, số khung: 729370, số máy 0709518, đã qua sử dụng.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Wave màu xA đen không gắn BKS T2 giữ của Đ, qua xác minh xác định T2ộc sở hữu của ông Dương Văn H1. Ông H1 khai không giao xe cho Đ, không biết Đ lấy xe đi chơi và đã tham gia làm hư hỏng tài sản, xe có BKS 29F1-497.25, nhưng bị gãy chốt không lắp được vào xe. Ông H1 có đơn xin lại xe, CQĐT đã ra quyết định xử lý trao trả chiếc xe máy trên cho ông H1.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Airblade BKS 30L3-6823 T2 giữ của T2, qua xác minh xác định T2ộc sở hữu của bà Đặng Thị ThA. Bà ThA khai không giao xe cho T2, không biết việc T2 lấy xe đi chơi và tham gia làm hư hỏng tài sản. Bà ThA có đơn xin lại xe, CQĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe cho bà ThA.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Dream BKS 29N3-6949 T2 giữ của Nguyễn V A qua xác minh xác định đăng ký xe mang tên Nguyễn Đoàn L1 (cậu ruột của V A, đã chết, chưa có vợ, con). Sau khi A L1 chết, chiếc xe trên do ông Nguyễn Văn Q (HKTT: Tổ 29 cụm 4 P T, T1 H, H1 N là bố đẻ A L1, đồng thời là ông ngoại của V A) quản lý. Ông Q khai không biết V A lấy xe đi chơi và đã tham gia làm hư hỏng tài sản. Ông Q ủy quyền cho A Nguyễn H V (SN 1984, HKTT: Tổ 23 cụm 3 P T, T1 H, H1 N, là bố đẻ của V A) giải quyết. A V có đơn xin lại chiếc xe trên, CQĐT đã ra quyết định xử lý trao trả chiếc xe máy trên cho A V.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Wave màu đen, không gắn BKS T2 giữ của Phạm Đức K3, qua xác minh xác định là của bà Đào Thị Hoài T2 (SN 1948, trú tại: Tổ 13, cụm 3, phường T L, quận T1 H, H1 N là bà N của K3). Bà T2 khai không giao xe cho K3, không biết K3 lấy xe đi chơi sau đó đã tham gia làm hư hỏng tài sản. Chiếc xe trên có BKS 29F1-45840, quá trình sử dụng BKS bị rơi mất. Bà T2 có đơn xin lại xe CQĐT đã ra quyết định xử lý trao trả chiếc xe máy trên bà T2.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5s, số IMEI: 359141072168783, số sim: 0589680592 đã qua sử dụng T2 giữ của Nguyễn V A, ngày 11/10/2019, CQĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho Nguyễn V A.

Đối với đối tượng tên L1 và đối tượng tên Kiên, quá trình điều tra các bị cáo và Phạm Đức K3 khai không rõ họ tên, địa chỉ, CQĐT đã xác minh, chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên đã ra Thông báo truy tìm đối tượng L1, Kiên nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Lê Thảo A và Nguyễn Đình H4 khai: Ngày 24/7/2019 được K3, Đ, T2, Bùi V A rủ đi đập kính máy bán nước tự động để lấy nước uống, tuy nhiên Thảo A, H4 từ chối không tham gia nên đứng ở ngoài, không chứng kiến việc các đối tượng đập máy bán nước. Lời khai của Thảo A và H4 phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu khác có trong H sơ. Ngày 13/10/2019, CQCSĐT công an quận T1 H đã ra

Quyết định tách vụ án hình sự số 07, tách vụ án Cố ý làm hư hỏng tài sản L quan đến H1nh vi của các đối tượng nêu trên để xem xét.

Đối với Phạm Đức K3 do thời điểm thực hiện H1nh vi trên K3 chưa đủ 14 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không áp dụng các biện pháp xử lý H1nh chính, CQCSĐT không xử lý đối với K3.

Đối với các chai nước đã bị lấy đi: A N1 không xác định được, không cung cấp được tài liệu về số lượng, chủng loại, giá tiền các chai nước đã bị lấy vào ngày 21+24/7/2019. Các bị cáo và K3 đều khai không nhớ đã lấy trộm bao nhiêu chai nước, chủng loại, sau khi lấy đã chia nhau uống hết nên CQĐT không có căn cứ để định giá số tài sản bị mất. CQĐT không có căn cứ để xử lý hình sự đối với các đối tượng về H1nh vi Trộm cắp tài sản. Ngày 11/10/2019 đã ra quyết định xử phạt H1nh chính về H1nh vi Trộm cắp tài sản đối với Bùi V A, Công Văn T2 và Dương Văn Đ trong lĩnh vực an ninh trật tự, phạt: V A 1.500.000đồng; T2 750.000đồng; Đ 750.000đồng.

Đối với Nguyễn V A, Dương Văn Đ, ngày 23/7/2019 có H1nh vi Cố ý làm hư hỏng tài sản là 01 mắt camera trị giá 1.330.000đồng, tài sản bị thiệt hại chưa đủ mức xử lý hình sự nên CQĐT đã ra quyết định xử phạt H1nh chính về H1nh vi Cố ý làm hư hỏng tài sản, phạt: V A 3.500.000đồng, Đ 1.750.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V do A N1 đại diện yêu cầu các bị cáo và các đối tượng L quan bồi thường giá trị tài sản bị hư hỏng theo kết luận định giá của HĐĐGTS. A N1 xác nhận đã nhận số tiền 1.330.000đồng do Nguyễn V A bồi thường mắt camera và 10.000.000đồng do gia đình T2 bồi thường; 1.000.000đồng do gia đình Đ bồi thường. A N1 đề nghị các bị cáo và các đối tượng L quan bồi thường giá trị còn lại của 04 tấm kính bị hư hỏng. Đối với các chai nước trong các máy bán nước bị mất A N1 không yêu cầu bồi thường và có không đề nghị gì khác.

Cáo trạng số 175 ngày 05/11/2019 của VKSND quận T1 H truy tố Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 BLHS. Ngày 29/11/2019 TAND quận T1 H đã trả H sơ cho VKSND quận T1 H để điều tra bổ sung: Xem xét về khung khoản của điều luật truy tố đối với các bị cáo. T4 H1nh điều tra triệt để, kết luận về H1nh vi của Lê Thảo A, Nguyễn Đình H4 để giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện.

Quá trình điều tra lại: Ngày 12/12/2019 VKSND quận T1 H đã trả H sơ cho CQCSĐT Công an quận T1 H đề tiếp tục điều tra, làm rõ H1nh vi của Lê Thảo A và các đối tượng L quan để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. Xem xét, làm rõ phần thiệt hại của các tấm kính bị làm hư hỏng.

Tại kết luận ĐGTS số 262/KL-HDĐG ngày 19/12/2019 của HĐĐGTS tố tụng hình sự quận T1 H kết luận: 03 tấm kính của máy bán nước tự động lắp đặt và sử dụng từ tháng 5/2018 đến 24/7/2019 trên là 39.600.000đồng; Giá trị thiệt hại 01 tấm kính của bán nước tự động lắp đặt và sử dụng từ tháng 22/7/2019 đến 24/7/2019 trên là 13.200.000đồng. *Tổng cộng 52.800.000đồng.*

Tại văn bản số 02/HĐĐG ngày 09/01/2020 HĐĐGTS gửi CQCSĐT công an quận T1 H có N dung: *"Đây là trường hợp định giá tài sản bị hủy hoại, hư hỏng một phần vì vậy phương pháp định giá được áp dụng điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc tH1nh lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, trình tự thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự; theo đó tài sản bị hủy hoại một phần: xác định giá trên cơ sở chi phí khôi phục lại tình trạng*

ban đầu của tài sản bị hủy hoại". Theo nguyên tắc khách quan, trung thực, ngày 09/8/2019 Hội đồng T4 H1nh định giá và ra kết luận số 167 và số 169/KL-HĐ ĐG, trong đó mỗi tấm kính trên đây được định giá 13.200.000đồng.

Ngày 09/01/2020 CQCSĐT Công an quận T1 H đã bổ sung kết luận điều tra số 01, kết luận: Ngày 24/7/2019 Lê Thảo A, Nguyễn Đình H4 không tham gia làm hư hỏng tài sản "kính máy bán nước tự động" tại phố đi bộ Trịnh Công Sơn. Đối tượng L1, Kiên chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa đủ căn cứ xử lý. CQĐT đã lấy lời khai của A N1 để làm rõ về các tấm kính bị làm hư hỏng, đã yêu cầu HĐĐG T4 H1nh định giá giá trị phần thiệt hại của các tấm kính bị làm hư hỏng, HĐĐG đã kết luận tổng giá trị các tấm kính bị làm hư hỏng là 52.800.000đồng. Đề nghị truy tố Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 BLHS.

Ngày 20/01/2020 VKSND quận T1 H ra Cáo trạng số 19/CT-VKS thay thế Cáo trạng số 175/CT-VKS truy tố: Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 BLHS.

Ngày 24/02/2020 TAND quận T1 H ra Quyết định trả H sơ để điều tra bổ sung cho VKSND quận T1 H theo đề của đại diện VKSND quận T1 H tại phiên tòa.

Ngày 03/4/2020 VKSND quận T1 H ra Cáo trạng số 37/CT-VKS, thay thế Cáo trạng số 19/CT-VKS truy tố: Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 178 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND quận T1 H luận tội: Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm cho xã hội của H1nh vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố, kết luận Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Bùi V A, xử phạt Bùi V A từ 24 đến 28 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Công Văn T2 và Dương Văn Đ. Xử phạt Công Văn T2 từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 36 đến 42 kể từ ngày tuyên án. Xử phạt Dương Văn Đ từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 36 đến 42 kể từ ngày tuyên án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo và Phạm Đức K3 pH1 L đới bồi thường cho bị hại số tiền đã làm hư hỏng tài sản. Tịch T2 tiêu hủy 02 nửa viên gạch đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo T2: 01 điện thoại di động Oppo đã qua sử dụng; Lưu H sơ vụ án: 01USB đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Công Văn T2 trình bày quan điểm: Khi phạm tội bị cáo là người chưa tH1nh niên, trình độ học vấn thấp, tH4 hiểu biết pháp luật, N1 thời phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu, khai báo tH1nh khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo nhận thức được H1nh vi của mình là sai và đã tự nguyện ra đầu thú, bị cáo đã tác động đến gia đình, bồi thường số tiền 10.000.000đồng cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông N là người có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ trình bày quan điểm: Khi phạm tội bị cáo là người chưa tH1nh niên, trình độ học vấn thấp, tH4 hiểu biết pháp luật, N1

thời phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu, khai báo tH1nh khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, mẹ bị cáo mất sớm nên tH4 sự quan tâm chăm sóc của gia đình, bố bị cáo là người khuyết tật do bị ảnh hưởng di chứng chất độc màu da cam từ ông N của bị cáo tham gia kháng chiến, hiện bố bị cáo pH1 sống bằng trợ cấp của nH1 nước 500.00đồng/tháng, mặc dù hoàn cảnh gia đình vô cùng khó khăn nhưng gia đình đã cố gắng T2 xếp bồi thường số tiền 1.000.000đồng cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có ông N là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đều xác nhận H1nh vi của minh là sai, vi phạm pháp luật đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của CQĐT Công an quận T1 H, Điều tra viên, VKSND quận T1 H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan T4 H1nh tố tụng, người T4 H1nh tố tụng. Do đó các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T4 H1nh tố tụng, người T4 H1nh tố tụng thực hiện là hợp pháp.

Tuy nhiên, tài liệu trong H sơ thể hiện ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019: Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ đều có H1nh vi tham gia đập kính các máy bán nước tự động tại phố Trịnh Công Sơn làm hư hỏng tài sản của Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V, *Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại 02 lần: ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019 là 52.800.000đồng*. H1nh vi nêu trên đủ căn cứ truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 BLHS. Kết luận điều tra số 179 ngày 14/10/2019 của CQCSĐT Công an quận T1 H và Cáo trạng số 175 ngày 05/11/2019 của VKSND quận T1 H truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 178 là không chính xác. Việc truy tố này ngày 29/11/2019 TAND quận T1 H đã trả H sơ cho VKSND quận T1 H để điều tra bổ sung. Quá trình điều tra lại HĐĐGTS tố tụng hình sự quận T1 H kết luận số 262/KL-HĐĐG ngày 19/12/2019 xác định: 03 tấm kính của máy bán nước tự động lắp đặt, sử dụng từ tháng 5/2018 đến 24/7/2019 trên là 39.600.000đồng; Giá trị thiệt hại 01 tấm kính của bán nước tự động lắp đặt, sử dụng từ tháng 22/7/2019 đến 24/7/2019 trên là 13.200.000đồng. *Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại 02 lần: ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019 là 52.800.000đồng.*

Ngày 20/01/2020 VKSND quận T1 H ra Cáo trạng số 19/CT-VKS thay thế Cáo trạng số 175/CT-VKS ngày 05/11/2019, truy tố: Bùi V A, Công Văn T2 và Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 BLHS.

Ngày 24/02/2020 TAND quận T1 H đã trả H sơ để điều tra bổ sung cho VKSND quận T1 H theo đề nghị của VKSND quận T1 H. Ngày 03/4/2020 VKSND quận T1 H ra Cáo trạng số 37/CT-VKS thay thế Cáo trạng số 19/CT-VKS, truy tố: Bùi V A, Công Văn T2 và Dương Văn Đ về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 178 BLHS là có căn cứ. Tuy nhiên ngày 09/01/2020 CQCSĐT Công an quận T1 H đã kết luận: Ngày 24/7/2019 Lê Thảo A, Nguyễn Đình H4

không tham gia làm hư hỏng tài sản "kính máy bán nước tự động" tại phố đi bộ Trịnh Công Sơn, nhưng cáo trạng của VKS vẫn giữ nguyên Quyết định tách vụ án hình sự L quan đến H1nh vi của Lê Thảo A, Nguyễn Đình H4 là chưa chính xác. Kiến nghị CQCSĐT Công an quận T1 H, VKSND quận T1 H tiếp tục điều tra để kết luận về H1nh vi của Lê Thảo A, Nguyễn Đình H4 và các đối tượng L quan để giải quyết vụ án được khách quan, triệt để.

[2] Về N dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT và các tài liệu khác có trong H sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019 tại phố đi bộ Trịnh Công Sơn T2ộc phường Nhật T3, quận T1 H, H1 N, Bùi V A, Công Văn T2, Dương Văn Đ đã có H1nh vi tham gia đập C kính các máy bán nước tự động, mục đích để lấy các chai nước trong máy uống, làm hư hỏng tài sản của Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V, cụ thể như sau:

Theo kết luận định giá tài sản số 169/KL-HDĐG ngày 09/8/2019 của HĐĐGTS kết luận: Tài sản trong vụ thứ N1 gồm 02 tấm kính của máy bán nước số 1 và số 2, kích thước (125x78x0,5)cm có giá trị là 26.400.000đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 167/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của HĐĐGTS, tài sản trong vụ thứ ba gồm 02 tấm kính của máy bán nước số 2 và số 3, kích thước (125x78x0,5)cm có giá trị là 26.400.000đồng (kết luận số 262/KL-HĐĐG ngày 19/12/2019 định giá lại, xác định: 03 tấm kính của máy bán nước tự động lắp đặt và sử dụng từ tháng 5/2018 đến 24/7/2019 là 39.600.000đồng; Giá trị thiệt hại 01 tấm kính của bán nước tự động lắp đặt và sử dụng từ tháng 22/7/2019 đến 24/7/2019 là 13.200.000đồng). Như vậy tổng giá trị tài sản bị thiệt hại 02 lần: Ngày 21/7/2019 và 24/7/2019 là 52.800.000đ (năm mươi hai triệu tám nghìn đồng).

H1nh vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu tH1nh tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, tội dA và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 BLHS.

H1nh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nơi xảy ra H1nh vi là nơi công cộng còn làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng. Do vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với H1nh vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]Xét tính chất đồng phạm, vai trò của từng bị cáo HĐXX xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quen biết nhau từ trước, cùng rủ nhau đi chơi sau đó đập phá máy bán nước tự động, mục đích lấy các chai nước trong máy để uống.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019 các bị cáo đều có H1nh vi tham gia đập C kính các máy bán nước tự động làm hư hỏng tài sản của Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V nên đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo tH1nh khẩn, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều là những thA niên mới lớn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đều N1 thời phạm tội. Sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Bị cáo T2 và bị cáo Đ thời điểm phạm tội là người chưa tH1nh niên. Bị cáo V A, bị cáo Đ

có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ mất sớm tH4 sự quan tâm của gia đình do đó các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo T2, bị cáo Đ đã tác động đến gia đình đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, ngày 25/10/2019 gia đình bị cáo T2 đã bồi thường số tiền 10.000.000đồng, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 1.000.000đồng cho bị hại. Đại diện cho bị hại xác nhận đã nhận được số tiền trên và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2, bị cáo Đ. Ngoài ra bị cáo T2 có ông N là Công Đình Vinh là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương khánh chiến hạng N1, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba. Bị cáo Đ có ông N là Dương Văn Ký là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương khánh chiến hạng N1, là thương binh, đồng thời là người thờ cúng liệt sĩ Dương Văn T2ận (có xác nhận của UBND phường T L) nên bị cáo T2, bị cáo Đ đều được áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy:

Đối với Bùi V A khi phạm tội là người đã tH1nh niên, quá trình điều tra chưa khắc phục được hậu quả nên mức hình phạt áp dụng với V A pH1 nghiêm khắc hơn. Ngoài ra bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có H1nh vi vi phạm pháp luật, ngày 17/02/2020 bị cáo bị công an TP H1 N khởi tố về H1nh vi gây rối trật tự công cộng theo Điều 318 BLHS. Điều đó cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật vì vậy cần pH1 ra một bản án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Công Văn T2, bị cáo Dương Văn Đ khi phạm tội đều là người chưa tH1nh niên, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét thấy không cần pH1 bắt các bị cáo chấp H1nh hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên cho các bị cáo được cải tạo tại cộng đồng xã hội để các bị cáo có cơ hội trở tH1nh công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan Hng của nH1 nước đối với những người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải. Bị cáo T2 và bị cáo Đ đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/7/2019 và ngày 24/7/2019 các bị cáo và Phạm Đức K3 đều cùng có H1nh vi tham gia đập C kính các máy bán nước tự động làm hư hỏng tài sản của bị hại Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V, theo kết luận định giá mà cơ quan tố tụng đã định giá, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 52.800.000đồng. Bị hại yêu cầu các bị cáo và Phạm Đức K3 bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại như trên. Xét thấy các bị cáo và Phạm Đức K3 đều cùng có H1nh vi tham gia làm hư hỏng tài sản trên nên pH1 L đới bồi thường cho bị hại số tiền trên, cụ thể: 52.800.000đồng: 4 = 13.200.000đồng. Đối với Phạm Đức K3 do thời điểm thực hiện H1nh vi trên chưa đủ 14 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không áp dụng các biện pháp xử lý H1nh chính, xử phạt vi phạm H1nh chính, CQCSĐT không xử lý đối với K3. Tuy nhiên về trách nhiệm dân sự, buộc Phạm Đức K3 (do ông Phạm Hoàng L1, sinh năm 1973, là bố đẻ của K3 đại diện) pH1 chịu trách nhiệm bồi thường phần thiệt hại mà K3 đã gây ra.

Ghi nhận bị cáo T2 đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đồng nên còn pH1 bồi thường số tiền là 3.200.000đồng, bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 1.000.000đồng nên còn pH1 bồi thường số tiền là 12.200.000đồng.

[5]Về vật chứng vụ án: Tịch T2 tiêu hủy: 02 nửa viên gạch đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo T2: 01 điện thoại di động Oppo đã qua sử dụng. Lưu H sơ vụ án: 01 USB đã qua sử dụng có dữ liệu hình ảnh camera tại máy bán nước tự động.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi V A, bị cáo Công Văn T2, bị cáo Dương Văn Đ phạm tội "Cố ý làm h□hỏng tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi V A:

Xử phạt Bùi V A 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi H1nh án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/8/2019 đến ngày 17/8/2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Công Văn T2, bị cáo Dương Văn Đ:

Xử phạt Công Văn T2 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Công Văn T2 cho Ủy ban nhân dân phường P T, quận T1 H, TH1nh phố H1 N để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi H1nh án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi H1nh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pH1 chấp H1nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt Dương Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường T L, quận T1 H, TH1nh phố H1 N để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi H1nh án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi H1nh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pH1 chấp H1nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng các Điều 106, 331, 333, 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi V A, bị cáo Công Văn T2 (do bà Đặng Thị ThA đại diện), bị cáo Dương Văn Đ (do ông Dương Văn H1 đại diện), Phạm Đức K3 (do ông Phạm Hoàng L1 đại diện) pH1 L đới bồi thường cho Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V số tiền 41.800.000đ (bốn mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Bùi V A số tiền: 13.200.000đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- Công Văn T2 (do bà Đặng Thị ThA đại diện) số tiền: 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- Dương Văn Đ (do ông Dương Văn H1 đại diện) số tiền: 12.200.000đ (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Phạm Đức K3 (do ông Phạm Hoàng L1 đại diện) số tiền: 13.200.000đ(mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Xử lý vật chứng: Lưu H sơ vụ án: 01 USB đã qua sử dụng.

Tịch T2 tiêu hủy: 02 (hai) nửa viên gạch đã qua sử dụng. *Trả lại cho bị cáo Công Văn T2*: 01 (một) điện thoại di động Oppo màu Hng đã qua sử dụng, không có số IMEI ghi trên thân vỏ máy *(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2019 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T1 H).*

Án phí: Bị cáo Bùi V A pH1 nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 522.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Công Văn T2 (do bà Đặng Thị ThA đại diện) pH1 nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 522.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Văn Đ (do ông Dương Văn H1 đại diện) pH1 nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 522.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Phạm Đức K3 (do ông Phạm Hoàng L1 đại diện) pH1 nộp 522.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi H1nh án có quyền chủ động ra quyết định thi H1nh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án (đối với khoản tiền pH1 trả cho người được thi H1nh án) cho đến khi thi H1nh xong tất cả các khoản tiền, H1ng tháng bên pH1 thi H1nh án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi H1nh án theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân H1ng nH1 nước V Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi H1nh án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người pH1 thi H1nh án dân sự có quyền thoả T2ận thi H1nh án, quyền được yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi H1nh án dân sự. Thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

Các bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Công ty TNHHTMDV CNTĐ T3 T4 V có quyền kháng cáo phần bản án có L quan đến việc bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống Đ hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo phần bản án có L quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống Đ hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *VKSND quận T1 H;*
- *CCTHADS quận T1 H;*
- *CA quận T1 H;*
- *Người tham gia tố tụng;*

- Lưu HS/VP.